

Số: 265/BC-MNHT

Hoàng Hoa Thám, ngày 16 tháng 9 năm 2024

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

### I. THÔNG TIN CHUNG

**1.1. Tên cơ sở giáo dục:** TRƯỜNG MẦM NON HOA THÁM

**1.2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).**

- Địa chỉ trụ sở chính Trường mầm non Hoa Thám: Thôn Hồ Sếu Xã Hoàng Hoa Thám, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương.

- Điện thoại: 0986 816 534

- Email: [truongmamnonhoatham@gmail.com](mailto:truongmamnonhoatham@gmail.com)

- Website: <http://cl-mnhoatham.haiduong.edu.vn>

- Fanpage: Trường Mầm Non Hoa Thám.

**1.3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).**

- Loại hình của cơ sở giáo dục: Trường mầm non công lập

- Cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp: UBND thành phố Chí Linh.

**1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.**

**Sứ mạng:**

Tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân.

Tạo dựng đội ngũ giáo viên đạo đức, giỏi chuyên môn – là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tích cách tự lập, có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội.

Luôn tạo dựng và gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ.

**Tầm nhìn:**

Xây dựng nhà trường đạt chuẩn về việc chăm sóc giáo dục và phát triển tối đa những tố chất thông minh của trẻ ngay từ nhỏ.

Khuyến khích trí tò mò tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ sẽ giúp các con tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, giúp các con có khả năng tư duy độc lập, phát

triển về kiến thức lẫn nhân cách một cách toàn diện, đáp ứng nhu cầu và mong đợi ngày càng nâng cao của đông đảo phụ huynh trong và ngoài địa bàn, là sự lựa chọn đầu tiên cho các bậc cha mẹ có con trong độ tuổi mầm non.

### **Mục tiêu:**

Xây dựng môi trường giáo dục hiện đại trong đó đề cao sự phát triển cá tính và năng khiếu riêng biệt của trẻ.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập.

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trong những năm tiếp theo. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao.

### **1.5. Quá trình hình thành và phát triển.**

Trường mầm non Hoa Thám được thành lập từ năm 1965. Trường được xây dựng trên địa bàn xã Hoàng Hoa Thám, nằm ở phía Bắc của thành phố Chí Linh. Tháng 6/2014 trường được công nhận Trường Chuẩn quốc gia Mức độ I. Tháng 07/2019 trường được công nhận lại trường chuẩn quốc gia mức độ 1 sau 5 năm theo Quyết định số 2482/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương và Kiểm định chất lượng giáo dục đạt mức độ 2 (CNKD 10/7/2019).

Qua 59 năm phấn đấu, xây dựng và trưởng thành, nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của UBND thành phố Chí Linh; sự chỉ đạo sát sao của Phòng Giáo dục và Đào tạo; sự quan tâm của Đảng, Chính quyền, nhân dân địa phương, cùng các ban ngành đoàn thể và các bậc phụ huynh học sinh. Trường có cơ sở khang trang, khung cảnh sư phạm đẹp phù hợp với trẻ MN. Chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ ngày càng được nâng cao, trường đạt nhiều thành tích trong các phong trào thi đua của ngành, địa phương.

**1.6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.**

Họ và tên: Hoàng Thị Hồng

Chức vụ; Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng nhà trường.

Địa chỉ nơi làm việc: Địa chỉ trụ sở chính Trường mầm non Hoa Thám: Thôn Hồ Sếu Xã Hoàng Hoa Thám, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương.

Số điện thoại: 0986 816 534

Địa chỉ thư điện tử: [hoanghong1211@gmail.com](mailto:hoanghong1211@gmail.com)

### **1.7. Tổ chức bộ máy:**

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);



Quyết định số 1030/QĐ-UBND ngày 20 tháng 06 năm 2008 của UBND huyện Chí Linh về việc đổi tên Trường mầm non bán công sang công lập trên địa bàn huyện Chí Linh (nay là thành phố Chí Linh).

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường,

Căn cứ Quyết định số 760/QĐ-PGDĐT ngày 28/11/2023 của Phòng GD &ĐT thành phố Chí Linh về việc thành lập Hội đồng trường mầm non Hoa Thám, nhiệm kỳ 2023 - 2028:

Danh sách thành viên hội đồng trường:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ Hội đồng trường
1	Hoàng Thị Hồng	Bí thư CB – Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Hoàng Thị Hiếu	Chủ tịch CĐ	Thư ký
3	Dương Thu Hường	Phó chủ tịch HĐND	Ủy viên
4	Phạm Thị Ngoan	Bí thư ĐTN	Ủy viên
5	Lã Thị Lựu	TT CM Mẫu giáo	Ủy viên
6	Ngô Thị Thảo	KT- VT	Ủy viên
7	Nguyễn Văn Đoàn	Trưởng ban đại diện CMHS	Ủy viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

Quyết định số 3706/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2023 của UBND Thành phố Chí Linh về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng trường Mầm non Hoa Thám đối với đ/c Hoàng Thị Hồng.

Quyết định số 2593/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2023 của UBND Thành phố Chí Linh về việc bổ nhiệm lại chức danh Phó hiệu trưởng trường Mầm non Hoa Thám đối với đ/c Đỗ Thị Mến.

Quyết định số 4019/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của UBND việc điều động, bổ nhiệm Phó hiệu trưởng trường Mầm non Hoa Thám đối với đ/c Lê Thị Hương Giang.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

(Kèm theo bảng sơ đồ bộ máy nhà trường nếu có)

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

### 2.1. Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Dưới TC
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	

	<b>Tổng số CBQL, GV, NV</b>	<b>23</b>			<b>21</b>	<b>01</b>		<b>01</b>
<b>I</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>3</b>			<b>3</b>			
1	Hiệu trưởng	1			1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2			
<b>II</b>	<b>Giáo viên</b>	<b>16</b>			<b>16</b>			
1	Nhà trẻ	4			4			
2	Mẫu giáo	12			12			
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	<b>6</b>			<b>2</b>			
1	Nhân viên kế toán	1			1			
2	Nhân viên văn thư							
3	Thủ quỹ							
4	Nhân viên y tế							
5	Nhân viên nuôi dưỡng	2			1	1		
6	Nhân viên Bảo vệ	1						1
7	Nhân viên VSMT							
8	Nhân viên phục vụ							

## 2.2. Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Năm học 2022 - 2023		Năm học 2023 - 2024	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>3</b>	<b>100%</b>	<b>3</b>	<b>100%</b>
Xếp loại	Tốt	3	100%	3	100%
	Khá				
	Đạt				
	Chưa đạt				
2	<b>Giáo viên</b>	<b>16</b>	<b>100%</b>	<b>16</b>	<b>100%</b>
Xếp loại	Tốt	11	68,75%	13	81,25%
	Khá	5	31,25%	3	18,75%
	Đạt				
	Chưa đạt				

## 2.3. Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

STT	Nội dung	Năm học 2022 - 2023		Năm học 2023 - 2024	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>3</b>	<b>100%</b>	<b>3</b>	<b>100%</b>

2	Giáo viên	16	100%	16	100%
3	Nhân viên	4	100%	4	100%

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024- 2025	Theo yêu cầu quy định
1	Diện tích khu đất xây dựng	2084	2084	2084	
	Điểm trường	1	1	1	
	Diện tích bình quân cho trẻ	11.26	12.48	12.48	
2	Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng				
2.1.	<b>Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ</b>				
	Phòng học (nuôi dạy, chăm sóc trẻ)	8	8	8	
	Phòng vệ sinh	8	8	8	
	Phòng ngủ				
	Phòng khác				
2.2.	<b>Khối phòng phục vụ học tập</b>				
	Thư viện				
	Phòng thể chất	1	1	1	
	Phòng đa chức năng (nghệ thuật)	1	1	1	
	Phòng khác				
2.3.	<b>Phòng tổ chức ăn</b>				
	Nhà bếp	1	1	1	
	Nhà kho	1	1	1	
	Phòng khác				
2.4.	<b>Khối phòng hành chính, quản trị</b>				
	Phòng hiệu trưởng	1	1	1	
	Phòng phó hiệu trưởng	1	1	1	
	Văn phòng trường	1	1	1	
	Phòng họp				
	Phòng hành chính quản trị				
	Phòng bảo vệ	1	1	1	
	Phòng y tế	1	1	1	
	Phòng truyền thống				
	Phòng nhân viên	1	1	1	

	Phòng khác				
<b>2.5.</b>	<b>Khởi công trình công cộng</b>				
	Nhà xe giáo viên	1	1	1	
	Phòng khác (phòng VS CBGVNV)	2	2	2	
3	Số lượng thiết bị đồ dùng, đồ chơi hiện có				
4	Số lượng đồ chơi ngoài trời				
5	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác				
	- Ti vi	6	6	6	
	- Nhạc cụ				
	- Máy photo				
	- Catsset				
	- Đầu video/ đầu đĩa				
	- Máy vi tính văn phòng	8	8	8	

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

**4.1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.**

- Kết quả tự đánh giá: Trường Mầm non Hoa Thám tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

**4.2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm.**

- Đánh giá ngoài: Nhà trường đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp trên về kiểm tra đánh giá chất lượng giáo dục vào đầu năm học 2024- 2025.

#### V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

**Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước.**

STT	Nội dung	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
1	Tổng số lớp	8	8
2	Tổng số trẻ	185	167
3	Số trẻ bình quân/nhóm(lớp)		
4	Số trẻ học 2 buổi/ngày	185	167
5	Số trẻ được tổ chức ăn bán trú	185	167
6	Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ	185	167
7	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi	45 (Đạt)	42 (Đạt)
8	Số trẻ khuyết tật	0	0

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

\*. Năm 2023:

TT	Ngân sách được giao	Số tiền	Nội dung chi	Số tiền (đồng)
<b>I</b>	<b>Kinh phí thường xuyên</b>	<b>2.910.073.000</b>	<b>I. Kinh phí thường xuyên</b>	<b>2.910.073.000</b>
1			Tiền lương	1.197.197.368
2			Phụ cấp lương	1.019.032.172
3			Tiền thưởng	7.599.000
4			Phúc lợi tập thể	15.500.000
5			Các khoản đóng góp	343.773.931
6			Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	10.883.671
7			Thanh toán dịch vụ công cộng	17.303.004
8			Vật tư văn phòng	6.200.000
8			Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	7.528.000
9			Khoản công tác phí	5.400.000
10			Chi phí thuê mướn	47.600.000
11			Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	57.249.354
12			Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	0
13			Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	120.231.500
14			Chi khác	54.575.000
<b>II</b>	<b>Kinh phí không thường xuyên</b>	<b>265.275.000</b>	<b>II. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</b>	<b>37.275.000</b>
15			Phụ cấp lương	0
16			Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	6.630.000
17			Chi phí thuê mướn khác	0
18			Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	0
19			Chi khác	30.645.000
	<b>Cộng tổng số</b>	<b>3.175.348.000</b>	<b>Cộng tổng số</b>	<b>2.947.348.000</b>

Dự toán chuyển sang năm 2024: 228.000.000 (KP hỗ trợ GVMN năm 2024 theo NQ số 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh HD)

10/11/2023  
 10/11/2023  
 10/11/2023  
 10/11/2023

## \* Thu - chi ngân sách năm 2024 (Tính đến thời điểm hết tháng 6/2024)

TT	Ngân sách được giao	Số tiền	Nội dung chi	Số tiền
<b>I</b>	<b>Kinh phí thường xuyên</b>	<b>3.263.196.000</b>	<b>Kinh phí thường xuyên</b>	<b>1.704.646.158</b>
1			Lương theo ngạch, bậc	708.575.808
2			Phụ cấp lương	576.300.008
3			Các khoản đóng góp	194.739.221
4			Thanh toán tiền dịch vụ công cộng	9.139.481
5			Thanh toán tiền vật tư văn phòng	24.902.300
6			Thông tin tuyên truyền liên lạc	1.849.510
			Khoản công tác phí	2.700.000
7			Chi phí thuê mướn	37.700.000
8			Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	23.500.000
9			Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	91.884.430
10			Chi khác	33.355.400
	<b>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</b>	<b>236.460.000</b>	<b>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</b>	<b>117.150.000</b>
12			Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	750.000
13			Các khoản hỗ trợ khác (Hỗ trợ tiền ăn)	2.400.000
14			Hỗ trợ GV theo NQ số 24/2023	114.000.000
	<b>Cộng tổng số</b>	<b>3.499.656.000</b>	<b>Cộng tổng số</b>	<b>1.821.796.158</b>

## \*. Năm học: 2023 – 2024:

TT	Nội dung thu	Số tiền	Nội dung chi	Số tiền
<b>I</b>	<b>Các khoản thu theo quy định</b>	<b>94.725.000</b>	<b>Cộng chi</b>	<b>94.725.000</b>
1	Tiền học phí năm 2024	94.725.000	40% Chi CCTL	37.890.000
			60% Chi hoạt động	56.835.000
<b>II</b>	<b>Khoản thu phục vụ</b>	<b>898.463.500</b>	<b>Cộng chi</b>	<b>898.463.500</b>
1	Tiền ăn	407.898.000	Chi tiền thực phẩm tháng 09/2023 - 5/2024 (23.994 Suất x 17.000đ)	407.898.000
			<b>Cộng chi</b>	<b>56.160.000</b>
2	Tiền phụ phí bán trú	56.160.000	Chi mua ga nấu ăn học sinh bán trú	48.410.000
			Chi mua đồ dùng chất tẩy rửa phục	2.031.600



			vụ bếp ăn bán trú	
			Chi mua nước tinh khiết nấu ăn	5.718.400
			<b>Cộng chi</b>	<b>345.600.000</b>
			Chi lương NV nuôi dưỡng	98.319.500
			Chi đóng bảo hiểm cho NV nuôi dưỡng	23.820.900
			Chi hỗ trợ buổi trưa cho NV nuôi	5.195.500
3	Tiền phục vụ công tác bán trú	345.600.000	Chi tiền công cho CBGVNV trông HS ăn, ngủ, quản lý bán trú	218.264.100
			<b>Cộng chi</b>	<b>28.800.000</b>
			Chi tiền công dọn vệ sinh từ tháng 9/2023 – 5/2024	13.500.000
4	Tiền vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh	28.800.000	Chi mua đồ dùng phục vụ vệ sinh cho các lớp học (Giấy VS, chổi, tẩy, lau nhà, xà phòng...)	15.300.000
5	Tiền nước uống tinh khiết cho trẻ.	7.200.000	Chi mua nước uống tinh khiết cho trẻ từ T9/2023 đến hết T5/2024	7.200.000
6	Tiền đồ dùng học tập theo thông tư	Mức thu NT: 200.000 3T: 250.000 4T: 250.000 5T: 300.000 <b>Tổng:</b> 37.600.000	Chi mua bổ sung đồ dùng học tập cho trẻ	37.600.000
7	Tiền dụng cụ, đồ dùng nấu ăn, đồ dùng cá nhân trẻ bán trú lần đầu	4.200.000	Mua bát, thìa, xoong, nồi, chậu.....	4.200.000
8	Tiền điện điều hòa	11.005.500	Chi tiền điện sử dụng điều hoà cho trẻ theo thực tế điện năng đã sử dụng	11.005.500
	<b>Cộng tổng số</b>	<b>993.188.500</b>	<b>Cộng tổng số</b>	<b>993.188.500</b>



STT	Nội dung	Năm 2023	6 tháng đầu năm 2024
1	Chính sách và kết quả thực hiện về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng	1.785.000	975.000
2	Số dư quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có)	0	0

## VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

### 7.1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ CBQL và giáo viên mầm non.

Ban lãnh đạo nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo

bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn, giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên.

### 7.2. Thực hiện các kế hoạch, đề án

Nhà trường xác định rõ các mục tiêu đề án và lập kế hoạch, xác định các công việc cần thực hiện trong đề án và phân công cho các thành viên trong trường cùng thực hiện. Đến thời điểm hiện tại các kế hoạch, đề án của nhà trường thực hiện đúng tiến độ.

### 7.3. Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế

Công tác xã hội hóa tại nhà trường đạt được kết quả khả quan vượt trội so với kết quả dự kiến. Nhà trường nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phía địa phương, hội khuyến học xã, mạnh thường quân, đơn vị bộ đội kết nghĩa và phụ huynh học sinh hỗ trợ vào các dịp: lao động dọn vệ sinh, cải tạo môi trường cảnh quan dịp đầu năm học mới, phối hợp với nhà trường tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ....

Nhà trường đang thực hiện thí điểm chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục giai đoạn 2022 - 2025.

Xây dựng kho tài liệu trực tuyến dùng chung.

Nhà trường áp dụng tốt các phần mềm như SSC, IMAS, phần mềm bảo xã hội, kê khai thuế, dịch vụ công, quản lý tài sản công, cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm Media quản lý trang web... Sử dụng phần mềm Edoc trong xây dựng kế hoạch soạn giảng các lứa tuổi được Ban giám hiệu quản lý trên mạng nội bộ của nhà trường.

Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hồ sơ và báo cáo. Cập nhật, thống kê và báo cáo đầy đủ theo quy định trên phần mềm ....

Tiếp tục triển khai rà soát, hoàn thiện, cập nhật mã định danh của trẻ; hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành theo đúng quy định.

Khai thác nguồn tài liệu, các ứng dụng, phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ.

Nhà trường định hướng cho giáo viên ứng dụng các ứng dụng như pinterst (website chia sẻ ảnh dưới dạng mạng xã hội); powerpoint (phần mềm trình chiếu để truyền tải thông tin); Articulate Studio (phần mềm biến các slide thuyết trình powerprint thành bài giảng điện tử)... trong thiết kế và hoạt động giáo dục cho trẻ.

### 7.5. Công tác truyền thông

PHỔ  
CỘNG  
M N C  
V TH A  
\* 0\*

Nhà trường có xây dựng kế hoạch truyền thông, ra quyết định phân công người phụ trách công tác truyền thông và thực hiện báo cáo theo yêu cầu của các cấp lãnh đạo (Kế hoạch số 268/KH-MNHT ngày 16/9/2024, Quyết định số 264/QĐ-MNBT ngày 13/9/2024).

Nhà trường đã đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non, các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ thông qua bảng tin tuyên truyền của trường, lớp, qua trang mạng xã hội (trang fanpage Trường Mầm Non Hoa Thám, zalo nhóm lớp...), thông qua website trường: <http://cl-mnhoatham.haiduong.edu.vn/>.

**Nơi nhận:**

- Hồ sơ công khai;
- Bảng công khai;
- Các PHT, Các tổ CM, VP;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Hoàng Thị Hồng**